

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 17 -BCBSP/HĐLF/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Tập đoàn Dinh dưỡng HADALIFA

Địa chỉ: Số 65 đường Lam Sơn, phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0947 816 630

Email: ngucoc.hadalifa@gmail.com

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 2902171504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 16/6/2025, thay đổi lần 01 ngày 22/7/2025.

Số giấy chứng nhận ATTP:25/2025/NNMT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường Nghệ An và có hiệu lực đến ngày 11/6/2028.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: NGỌC TRÀ

2. Thành phần: Gạo lứt thảo dược, Thân cây gạo lứt thảo dược, Cây cỏ ngọt.

3. Thời hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất (NSX in trên bao bì).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Khối lượng tịnh: 5g và theo yêu cầu của khách hàng.
- Chất liệu bao bì: Màng túi lọc đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (dự kiến): Đính kèm hồ sơ.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Sản phẩm NGỌC TRÀ do Công ty Cổ phần Tập đoàn Dinh dưỡng HADALIFA sản xuất và kinh doanh đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-1:2011/BYT về giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.



• Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

• Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ Y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

• Thực hiện ghi nhãn sản phẩm theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hoá.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn của sản phẩm đã công bố.

Cửa Lò, ngày 26 tháng 11 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)



Phan Thị Liên

PHỤ LỤC 01: MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. Tên sản phẩm: NGỌC TRÀ

2. Cơ sở sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm: Công ty Cổ phần Tập đoàn Dinh dưỡng HADALIFA

Địa chỉ: Số 65 đường Lam Sơn, phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0947 816 630

3. Xuất xứ hàng hoá: Việt Nam

4. Khối lượng tịnh: 5g hoặc theo yêu cầu khách hàng.

5. Ngày sản xuất: Ghi trên bao bì.

6. Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

7. Thành phần: Gạo lứt thảo dược, Thân cây gạo lứt thảo dược, Cây cỏ ngọt.

8. Giá trị dinh dưỡng (trên 100g):

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Ghi chú
1	Năng lượng	kcal/100g	339,64	
2	Đạm	g/100g	9,28	
3	Carbohydrate	g/100g	70,32	
4	Chất béo	g/100g	9,28	
5	Natri	mg/100g	6,39	

9. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng, hết hạn hoặc bao bì rách nát.

10. Hướng dẫn sử dụng: Dùng trực tiếp ngay sau khi mở bao bì.

• Cho 1 túi trà vào ly, rót khoảng 150–180ml nước sôi 100°C. Ngâm trong 10 phút để trà tiết hương vị tốt nhất.

• Có thể châm thêm nước 2–3 lần cho đến khi trà nhạt màu.

11. Hướng dẫn bảo quản: Đậy kín nắp sau khi sử dụng, để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.





Mã số/ Code: DV142311000/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DINH DƯỠNG HADALIFA
- Địa chỉ/ Address : Số 65 Đường Lam Sơn, Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
- Tên mẫu thử/ Name of Sample : Ngọc trà
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu đựng trong túi kín. Khối lượng: 200 g/túi; số lượng: 02 túi
- Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 25/10/2025
- Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Không có mẫu lưu
- Ngày thử nghiệm/ Date of test : 25/10/2025-12/11/2025
- Ngày trả kết quả/ Date of issue : 12/11/2025

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Cảm quan (Màu sắc, trạng thái, mùi vị)	-	Sản phẩm là lá trà xay nhỏ kết hợp với gạo nứt, được đóng gói thành các túi lọc nhỏ, mùi thơm, không ẩm mốc, không vón cục	VNT.H.03.V.42
2	Độ ẩm *	g/100g	6,71	TCVN 5613:2007
3	Chì (Pb)	mg/kg	< LOQ = 0,08	TCVN 10912:2015
4	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
5	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
6	Arsen (As)	mg/kg	0,23	TCVN 10912:2015
7	Tro tổng số *	g/100g	2,47	TCVN 5611:2007

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV142311000/02

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
8	Tro không tan trong acid HCl *	g/100g	KPH (LOD = 0,03)	TCVN 5612:2007
9	Năng lượng	Kcal/100g	339,64	VNT.H.03.Fo.277
10	Protein	g/100g	9,28	TCVN 10034:2013
11	Béo tổng	g/100g	2,36	VNT.H.03.Fo.09
12	Carbohydrate hiệu dụng	g/100g	70,32	VNT.H.03.Fo.187
13	Natri (Na)	mg/100g	6,39	TCVN 10916:2015
14	Ochratoxin A (OTA) *	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2021)
15	Chlorpyrifos-methyl	mg/L	KPH (LOD = 0,01)	VNT.H.03.Fo.162
16	Cypermethrin	mg/kg	2,99	AOAC 2007.01
17	Fenitrothion	mg/L	KPH (LOD = 0,01)	VNT.H.03.Fo.162
18	Flucythrinate	mg/kg	KPH (LOD = 0,003)	VNT.H.03.Fo.162
19	Methidathion	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	VNT.H.03.Fo.396
20	Permethrin	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
21	Propargite	mg/L	KPH (LOD = 0,01)	VNT.H.03.Fo.162
22	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	KPH (LOD = 0,3)	VNT.H.03.Fo.78 (2025) (Ref: AOAC 994.08)
23	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (LOD = 0,3)	VNT.H.03.Fo.78 (2025) (Ref: AOAC 994.08)
24	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Chlor			
24.1	Alpha-BHC	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV142311000/02

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
24.2	Beta-BHC	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
24.3	Gamma-BHC	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
24.4	Delta-BHC	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
24.5	Heptachlor	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
24.6	Aldrin	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
24.7	Heptachlor-epoxide	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
24.8	Trans-Chlordane	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
24.9	Cis-Chlordane	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
24.10	Alpha-Endosulfan	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
24.11	4,4'-DDE	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
24.12	Dieldrin	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
24.13	Endrin	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
24.14	Beta-Endosulfan	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
24.15	4,4'-DDD	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
24.16	Endrin aldehyd	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
24.17	4,4'-DDT	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
24.18	Endrin keton	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
24.19	Methoxychlor	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV142311000/02

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
25	Dư lượng thuốc BTV nhóm Phospho			
25.1	Bromophos-ethyl	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
25.2	Bromophos-methyl	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
25.3	Chlorfenvinphos	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
25.4	Chlorpyrifos	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
25.5	Diazinon	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
25.6	Dichlorvos	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
25.7	Dimethoate	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
25.8	Disulfoton	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
25.9	Ethion	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
25.10	Fenthion	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
25.11	Malathion	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
25.12	Mevinphos	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
25.13	Paraoxon-ethyl	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
25.14	Parathion	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
25.15	Parathion-methyl	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
26	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	7,6x10 ²	TCVN 4884-1:2015
27	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2:2010

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV142311000/02

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
28	Coliforms *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007
29	E. coli *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008
30	Salmonella spp. *	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp
- Thuốc BVTV: Thuốc bảo vệ thực vật



ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.